| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7- THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 45/2026/QĐST-HNGĐ | *Thanh Hóa, ngày 14 tháng 04 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 81/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Hoàng Văn T - Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn A T, xã K, tỉnh Thanh Hóa

Số CCCD: 0380.9501.8298 Ngày cấp: 10/02/2023

Chị Bùi Thị D - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa

Số CCCD: 0381.94001.3929 Ngày cấp: 11/7/2022

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Bùi Thị D đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 17/3/2021 tại UBND xã T, huyện T, Thanh Hóa (Nay là UBND xã N, tỉnh Thanh Hoá). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không chung quan điểm sống, không yêu thương lẫn nhau, thường xuyên tranh cãi đời sống chung không hạnh phúc. Đến nay, anh T và chị D đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Hoàng Diệu T1 - sinh ngày: 03/10/2020. Ly hôn, anh T và chị D thoả thuận giao cháu Hoàng Diệu T1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng

4/2026 cho đến khi cháu Hoàng Diệu T1 đủ 18 tuổi hoặc hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

[3]. Về tài sản: Anh Hoàng Văn T và chị Bùi Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Hoàng Văn T và chị Bùi Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Văn T và chị Bùi Thị D thỏa thuận, chị D là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Bùi Thị Diệu thuận T2 ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Diệu T1, sinh ngày: 03/10/2020 cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Hoàng Diệu T1 đủ 18 tuổi hoặc hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh Hoàng Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị D tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thanh Hóa theo biên lai số: 0002301 ngày 27/3/2026. Chị Bùi Thị D đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Ngọc Trạo;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Xuân Sơn**